

THÔNG BÁO

Về việc thẩm định giá vật tư, hoá chất

Kính gửi: Các công ty, doanh nghiệp thẩm định giá

Căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ trong năm 2023, Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương dự kiến triển khai đấu thầu mua sắm vật tư tiêu hao, hoá chất phục vụ đào tạo thực hành và nghiên cứu khoa học (Tài phụ lục đính kèm).

Đề nghị các công ty, doanh nghiệp thẩm định giá quan tâm gửi báo giá thẩm định giá vật tư tiêu hao, hoá chất và các hồ sơ liên quan, đến Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (địa chỉ: Phòng Vật tư-Trang thiết bị, Số 1, Vũ Hựu, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương) trước ngày 10/4/2023.

Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VT-TTB, TCKT.



Phạm Thị Cẩm Hưng

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKTYTHD ngày tháng 3 năm 2023 của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

TT	Nội dung	Quy cách	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Acid uric	1x200 ml Reagent A 1x5 ml Standard	A. Thuốc thử: Phosphat 100 mmol/L, chất tẩy rửa 1,5 g/L, dichlorophenolsulfonat 4 mmol/L, uricase > 0,12 U/mL, ascorbat oxidase > 5 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,8. S. Chất hiệu chuẩn Uric Acid Standard: Acid uric 6 mg/dL (357 μmol/L). Chất hiệu chuẩn gốc dạng dung dịch nước. Bảo quản: 2-8 °C	Hộp	2	
2	Amikacin	5 x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
3	Amoxycilin Clavulanic Acid	5 x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
4	Api 20 staph	25 thanh + ống thuốc thử	Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococcus và Kocuria, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 6ml môi trường API staph. Đạt tiêu chuẩn ISO. Đóng gói: 25 thanh + 25 ống hóa chất.	Hộp	1	
5	Api 20 strep	25 thanh + ống thuốc thử	Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột, gồm 20 giếng chứa hóa chất đông khô và 2ml môi trường API GP. Đạt tiêu chuẩn ISO. Đóng gói: 25 thanh + 25 ống hóa chất	Hộp	1	

6	Api 20NH	10 thanh + ống thuốc thử	Thanh định danh Neisseria, Haemophilus gồm 10 giếng nhỏ chứa các hóa chất đông khô và 2ml môi trường NaCl 0.85%. Đóng gói: 10 thanh + 10 ống hóa chất	Hộp	1	
7	APTT	R1: 10x2ml R2: 10x15 ml	Sử dụng để xác định thời gian đông APTT Thành phần: chứa phosphatides đậu nành tinh khiết. 1.0 x 10-4 M acid ellagic và dung môi, chất ổn định và chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 10x2ml Dung dịch calcium chloride 0.025 mol/L Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 10x15ml	Hộp	20	
8	AST	1x160 ml Reagent A 1x40 ml Reagent B	A. Thuốc thử: Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8. B. Thuốc thử: NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L. Bảo quản: 2-8 °C	Hộp	1	
9	Azithromycin	5 x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
10	Bàn chải mền đánh tay ngoại khoa	12 cái/hộp	Thân bàn chải được sản xuất từ nhựa cứng, đầu lông bàn chải mềm để dễ dàng làm sạch các kẽ tay cho kỹ thuật viên trước khi phẫu thuật Quy cách: Hộp 12 cái	Chiếc	10	
11	Băng dán	102 miếng/hộp	Băng cá nhân vải có giãn phủ một lớp keo làm bằng kẽm oxit có gạc thấm hút màu trắng ở giữa. Miếng gạc được phủ bởi lớp lưới polyethylene gây dính. Lớp keo được phủ bằng hai cánh làm bằng giấy silicone. Hộp 102 miếng băng, kích thước 2.0cm x 6.0cm	Hộp	8	
12	Băng dính	1 cuộn/hộp	Băng dính cuộn vải lụa y tế. Kích thước: 2.5 x 5cm. Quy cách: hộp 1 cuộn	Cuộn	200	

13	Betadine 10%	lọ 125ml	Thành phần: Povidone-iodine 10% Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Giá trị thu được hữu ích trong hỗ trợ chẩn đoán và kiểm soát sự tiến triển của bệnh vàng da. Thuốc thử được sử dụng trên các máy xét nghiệm sinh hóa A25 và A15 của BioSystems hoặc trên các máy xét nghiệm khác với đặc tính hiệu năng tương tự.	Lọ	4
14	Bilirubin Direct	5x 40 ml Reagent A 5x10 ml Reagent B		Hộp	1
15	Bilirubin Total	5x 40 ml Reagent A 5x10 ml Reagent B	A. Thuốc thử: 5 x 40 mL. Axit clohydric 170 mmol/L, cetrimide 40 mmol/L, pH 0,9. B. Thuốc thử: 5 x 10 mL. 3,5-diclophenyldiazonium 1,5 mmol/L. Bảo quản: 2-8 °C	Hộp	3
16	Bình cầu 250ml	10 cái/hộp	Chất liệu: Thủy tinh chịu được nhiệt độ cao	Cái	5
17	Bình định mức 100ml	2 cái/hộp	Bình định mức class A. Chất liệu: Thủy tinh chịu được nhiệt độ cao, nắp nhựa PE kháng hóa chất cao	Cái	25
18	Bình định mức 10ml	2 cái/hộp	Bình định mức class A. Chất liệu: Thủy tinh chịu được nhiệt độ cao, nắp nhựa PE kháng hóa chất cao	Cái	20
19	Bình định mức 25ml	2 cái/hộp	Bình định mức class A. Chất liệu: Thủy tinh chịu được nhiệt độ cao, nắp nhựa PE kháng hóa chất cao	Cái	28
20	Bình định mức 500 ml	2 cái/hộp	Bình định mức class A. Chất liệu: Thủy tinh chịu được nhiệt độ cao, nắp nhựa PE kháng hóa chất cao	cái	2
21	Bình định mức 50ml	2 cái/hộp	Bình định mức class A. Chất liệu: Thủy tinh chịu được nhiệt độ cao, nắp nhựa PE kháng hóa chất cao	Cái	23
22	Bình tam giác 100 ml	10 cái/hộp	Chất liệu thủy tinh, trong suốt. Dung tích 100ml	bình	20
23	Bình tam giác 250ml	10 cái/hộp	Chất liệu thủy tinh, trong suốt. Dung tích 250ml	Chiếc	10
24	Bình tia có vòi cong	5 cái/túi	Chất liệu: nhựa LDPE - Dung tích 250ml - Nắp vận trắng xoay chặt chẽ, không gây rò rỉ, nắp và vòi phun dính liền nhau	cái	10
25	Bình thủy tinh có nắp	chai 5000ml	Chất liệu thủy tinh, trong suốt. Dung tích: 5000ml	cái	15
26	Bình xít còn	Chai 500ml	Chất liệu nhựa PE. Dung tích 500ml	Chiếc	5
27	Blood agar base	500g/hộp	Màu sắc: vàng nhạt - nâu. pH (25°C): 6.6-7.0. Ủ 24 ± 2 giờ ở 37 ± 1°C	Hộp	2

28	Bộ dây truyền dịch	25 bộ/túi	Bộ dây truyền dịch kèm bộ kim 2 cánh bướm số 22G x 1". Bầu đếm giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Tiếp xúc chữ Y hoặc ống cao su. Ống dây dài $\geq 1500\text{mm}$ nhựa nguyên sinh, mềm dẻo. Đầu nối kim Luer Lock hoặc Slip Lock. Túi 1 bộ, 25 bộ/túi to.	Bộ	300	
29	Bộ gây tê ngoài màng cứng	1 bộ/hộp	Thành phần: Kim Perican, đầu kim Tuohy. Catheter Perifix, 1000mm. Đầu nối. Chất liệu: ABS, PA, PS, PC, PE, PEBA, PP, SAN, thép không gỉ, TPE, vật liệu y tế tiêu chuẩn với cao su polyisoprene tổng hợp	Cái	4	
30	Bộ huyết sắc kế Sahli	1 bộ/hộp	Sử dụng để xác định hàm lượng huyết sắc tố trong máu. Thành phần: hộp polystyrene với 2 thanh màu và tấm kính opal, ống so sánh, Pipet huyết sắc tố 20 μl , ống silicone chiều dài 16 cm, ống ngâm trắng, pipet với núm cao su, que khuấy, lọ axit, bàn chải làm sạch.	Bộ	20	
31	Bộ huyết thanh mẫu ABO	3x10 ml	Xác định nhóm máu hệ ABO. Thành phần: Anti-A (IgM) 10ml, Anti-B (IgM) 10ml, Anti-AB (IgM) 10ml.	Bộ	40	
32	Bộ thuốc nhuộm Ziehl	250ml x3/bộ	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylene Blue chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	Bộ	4	
33	Bông mỡ	1 kg/túi	Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên, đã được loại bỏ tạp chất. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước. Quy cách: 1kg/túi	Túi	15	
34	Bông y tế	1 kg/túi	Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên, đã được loại bỏ tạp chất. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Công nghệ Spunlace xử lý màng bông bằng tia nước áp lực cao giúp bông mịn, dai, không xơ bông trên bề mặt. Quy cách: 1kg/túi	Túi	45	
35	Bông y tế	10gram/gói	Bông vô trùng, thấm nước, đóng gói 10 gram/gói, cắt sẵn miếng vuông. Kích thước 2x2cm	Gói	5	

36	Bơm 50ml cho ăn qua sonde	25 chiếc/hộp	Bơm tiêm sử dụng 1 lần dung tích 50ml đốc to lắp vừa dây cho ăn. Piston có khóa bẻ gãy. Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, chất liệu kim thép không gỉ. Quy cách: 25 chiếc/hộp	Hộp	3	
37	Bơm hút Carman	1 cái/hộp	Bơm hút thai 1 van IPAS an toàn và hiệu quả, được sử dụng với ống hút mềm Karmen 4mm –8mm, để hút thai và sinh thiết nội mạc tử cung. Quy cách: gồm 1 bơm hút, 3 ống hút, phụ kiện: 1 hãm cổ bơm, gioăng cao su, 1 ống silicon 2ml	Cái	3	
38	Bơm tiêm 10ml	100 chiếc/hộp	Bơm tiêm sử dụng 1 lần dung tích 10ml. Piston có khóa bẻ gãy Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, chất liệu kim thép không gỉ. Quy cách: 100 chiếc/hộp	Hộp	16	
39	Bơm tiêm 1ml	100 chiếc/hộp	Bơm tiêm sử dụng 1 lần dung tích 1ml. Piston có khóa bẻ gãy Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, chất liệu kim thép không gỉ. Quy cách: 100 chiếc/hộp	Hộp	10	
40	Bơm tiêm 20ml	50 chiếc/hộp	Bơm tiêm sử dụng 1 lần dung tích 20ml. Piston có khóa bẻ gãy Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, chất liệu kim thép không gỉ. Quy cách: 50 chiếc/hộp	Hộp	2	
41	Bơm tiêm 50ml (bơm tiêm điện)	25 chiếc/hộp	Bơm tiêm sử dụng 1 lần dung tích 50ml đốc to lắp vừa dây cho ăn. Piston có khóa bẻ gãy. Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, chất liệu kim thép không gỉ. Quy cách: 25 chiếc/hộp	Hộp	3	
42	Bơm tiêm 5ml	100 chiếc/ hộp	Bơm tiêm sử dụng 1 lần dung tích 5ml. Piston có khóa bẻ gãy Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, chất liệu kim thép không gỉ. Quy cách: 100 chiếc/hộp	Hộp	93	
43	Buồng đếm Neubauer	hộp 1 chiếc	Chất liệu: thủy tinh quang học đặc biệt. Phù hợp với tiêu chuẩn DIN 12847. Độ sâu của buồng 0.1mm, dung sai độ sâu của buồng tối đa. 2%. Lưới bao gồm 3 x 3 ô vuông lớn với diện tích mỗi ô là 1 mm ² . Hình vuông lớn ở trung tâm được chia thành các nhóm hình vuông 5 x 5 với mỗi cạnh dài 0,2 mm. Các ô vuông nhóm này lại được chia thành mười sáu ô vuông nhỏ có diện tích mỗi ô là 0,05 mm x 0,05 mm = 0,0025 mm ²	Chiếc	30	
44	Burette 25 ml	2 chiếc/hộp	Chất liệu thủy tinh trong suốt độ bền cao. Khóa nhựa chất liệu PE kháng hóa chất cao	Bộ	10	
45	Ca(OH)2	10g/hộp	Bột Calcium hydroxide power màu trắng, dẹt khuôn sử dụng trong điều trị tủy răng	Hộp	2	

46	Canuyn mở khí quản	1 chiếc/hộp	Chất liệu: nhựa y tế cao cấp, đảm bảo an toàn khi sử dụng. Kích thước đa dạng: size 4 - 8 Đóng gói: 1 sản phẩm/hộp.	Chiếc	20	
47	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	1 chiếc/hộp	Ống thông (Catheter) tĩnh mạch trung tâm. Loại 1 nòng. Kích thước 14Ga x 20 cm. Dùng 1 lần. Lưu trong cơ thể dưới 20 ngày. Mới 100%	Cái	10	
48	Cefotaxim 30ug	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
49	Cefoxitin	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
50	Ceftazidime 30ug	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
51	Ceftriaxon	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
52	Cefuroxim	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
53	Cellulose acetate filter	100 tờ/Hộp	Màng lọc Cellulose nitrate, lỗ lọc 0.45µm, Ø47mm, màng trắng kẻ sọc đen, đã tiệt trùng, 100 tờ/hộp	Hộp	10	
54	Cellulose acetate filter	100 tờ/Hộp	Màng lọc Cellulose nitrate, lỗ lọc 0.20µm, Ø47mm, màng trắng kẻ sọc đen, đã tiệt trùng, 100 tờ/hộp	Hộp	5	

55	Ciprofloxacin	Hộp 5 thanh	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoang Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
56	Composite	10 nhộng/ túi	Màu sắc: A1, A2, A3, A3.5, A4... Quy cách: Gói 10 nhộng 0,25g. Composite lỏng Tetric N-Flow thích hợp để trám lót, trám bít hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, đặc biệt là xoang V	Nhộng	10	
57	Cốc có mỏ 100ml	10c/hộp	Cốc có mỏ class A. Chất liệu thủy tinh trong suốt độ bền cao. Dung tích 100ml	Cái	40	
58	Cốc có mỏ 200 ml	10c/hộp	Cốc có mỏ class A. Chất liệu thủy tinh trong suốt độ bền cao. Dung tích 200ml	cái	20	
59	Cốc có mỏ 250 ml	10c/hộp	Cốc có mỏ class A. Chất liệu thủy tinh trong suốt độ bền cao. Dung tích 250ml	Chiếc	10	
60	Cồn iod 10% (povidon/betadin)	lọ 500ml	Thành phần Hoạt chất: Povidon-Iod 10%. Tá dược vừa đủ	Chai	25	
61	Cồn tuyệt đối	1l/ lọ	Công thức: C2H5OH. Định lượng: 1000ml/chai, 20 chai/ thùng Hàm lượng: 99.7%	Lọ	222	
62	Cồn y tế 70 độ	500ml/chai	Thành phần: Ethanol, nước cất. Trạng thái: Dạng lỏng. Nồng độ còn 70°. Chai nhựa PP hoặc PET, nắp nhựa xoáy.	Chai	213	
63	Cồn y tế 90 độ	500 ml/lọ	Thành phần: Ethanol, nước cất. Trạng thái: Dạng lỏng. Nồng độ còn 70°. Chai nhựa PP hoặc PET, nắp nhựa xoáy.	Lọ	73	
64	Cột chiết pha rắn SPE-IM (500 mg, 3 ml)	25 cái/hộp	Chất hấp thụ làm sạch mẫu sắc ký Aflastar R IAC	hộp	1	
65	cột MultiSep® 228 AflaPat.	25 cái/hộp	MULTISEP 228 AFLAPAT Nhiệt độ bảo quản 15°C - 25°C chất phân tích Aflatoxin, Patulin. Dạng: Cột. Số cột 25 Kích cỡ 5-8 mL dịch chiết	hộp	1	
66	Cột sắc ký khí DB-WAX	1c/hộp	Ống mao dẫn Silica nóng chảy Độ dày màng 0,25 µm. Loại cột GC siêu trơ. Đường kính trong (ID) 0,32mm. Chiều dài 60 m. Phạm vi nhiệt độ : 20°C-250/260°C	Chiếc	1	

67	Cột sắc lý lỏng C18	1c/hộp	Cột PRP-C18. Kích thước sản phẩm đường kính trong 2.1mm, chiều dài: 250mm, kích thước hạt: 5um. Tải trọng cacbon: 12,9 %	Chiếc	1	
68	Crystal violet	100g/hộp	Tỉ trọng: 1,19 g/cm ³ (20°C). Độ nóng chảy: 215°C. Giá trị pH: 2,5 - 3,5 (10g/l, H ₂ O, 20°C). Độ hòa tan: 10g/l. Bảo quản ở +2°C đến +30°C	Hộp	5	
69	Curvet than chì (Partition tubes (coated)-GTA	10 cái/hộp	Ống có vách ngăn, được phủ nhiệt phân, 10 cái/hộp	Hộp	1	
70	CuSO ₄ .5H ₂ O	250g/hộp	Tỉ trọng: 2,284 g/cm ³ (20°C). Độ nóng chảy: 147°C. Giá trị pH: 3,5 - 4,5 (50 g/l, H ₂ O, 20°C). Độ hòa tan: 317g/l	Hộp	2	
71	CH ₃ COOH đặc	500 ml/lọ	Chất lỏng, không màu, mùi đặc trưng. Công thức hóa học: CH ₃ COOH Khối lượng phân tử: 60.052 g/mol. . pH: 2.5 Điểm sôi: 117°C	Hộp	2	
72	Chai đựng hóa chất 100ml có công tơ hút trong suốt	10c/hộp	Chai đựng hóa chất có công tơ hút. Dung tích 125ml. Chất liệu: thủy tinh trong suốt	chai	40	
73	Chậu inox sâu 30cm Ø 50 cm	30x50cm	Chất liệu inox. Kích thước: fi 50cm, sâu 30 cm	chiếc	3	
74	Chi catguyt số 1	24 tập/hộp	Chi có màu nâu đậm. Thành phần: Purified Collagen, Chromium Salt.	Hộp	3	
75	Chi khâu	1 cuộn/túi	Chi khâu cuộn: Sợi chỉ 1-2mm. Độ dài 120cm. Màu sắc: Trắng	Cuộn	10	
76	Chloramphenicol	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
77	Chloroform	Chai 1000 ml	Công thức hóa học: CHCl ₃ . Khối lượng phân tử: 119,38 g/mol. Độ hòa tan: 8,7 g/l. Bảo quản ở +2°C đến +30°C	chai	1	

78	Cholesterol	1x200 ml Reagent A 1x5 ml Standard	A. Thuốc thử chứa: Đệm Pipes 35 mmol/L, natri cholat 0,5 mmol/L, phenol 28 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase > 0,1 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,0. S. Chất hiệu chuẩn Cholesterol Standard chứa: cholesterol 200 mg/dL (5,18 mmol/L). Chất hiệu chuẩn gốc (mỗi trường nước). Bảo quản: 2-8 °C	Hộp	1	
79	Chổi rửa dụng nhỏ	17cm	Chất liệu: Kim loại + nhựa. Chiều dài 17cm	cái	50	
80	Chổi rửa dụng to	25cm	Chất liệu: Kim loại + nhựa. Chiều dài 25cm	cái	30	
81	Chống đông EDTA	100 ống/hộp	Sử dụng chất kháng đông K2/K3-EDTA. Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu xanh dương. Trên nhãn có logo hình giọt nước bên trái, ba vòng tròn HTM bên phải. Thể tích tùy chọn: 1ml, 2ml, 3ml....	Hộp	20	
82	Chống đông Natri Citrat	100 ống/hộp	Sử dụng dung dịch Trisodium Citrate 3.8%. Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu xanh dương. Trên nhãn có logo hình giọt nước bên trái, ba vòng tròn HTM bên phải. Thể tích tùy chọn: 1ml, 2ml, 3ml....	Hộp	40	
83	Chuẩn hỗn hợp Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)	1ml/chai	Chất lỏng, không màu. Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: 81.6°C/-45.7°C. Thành phần: Acetonitrile 80-100%, Aflatoxin G1 <0.1%, Aflatoxin G2 <0.1%, Aflatoxin B1 <0.1%, Aflatoxin B2 <0.1%.	Chai	1	
84	Dao	100c/hộp	Số 20, số 21. Độ dày: 0,35 – 0,42mm. Nguyên liệu: Thép cacbon cao có các thành phần chính: C: 1,206%; Si: 0,179%, Mn: 0,369%, Cu: 0,166%. Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp	Hộp	2	
85	Dao cắt tiêu bản S35	50c/hộp	Chất liệu: Lưỡi cưa vonfram độ dài: 80mm. Chiều cao: 8mm. Góc nghiêng 35 °. Đóng gói: hộp 50 cái	Hộp	2	
86	Dầu paraffin	500ml/chai	Dạng lỏng, trong suốt, không màu, không mùi, không vị	Lit	2	
87	Dầu soi	500ml/lọ	Chỉ số khúc xạ (n _D 20/D): 1.515 - 1.517. Tỷ trọng (d ₂₀ °C/4 °C): 1,0245 - 1,0265 Đường truyền (380 nm; 1 cm): ≥ 65 % Đường truyền (400 nm; 1 cm): ≥ 78 % Đường truyền (450 nm; 1 cm): ≥ 90 % Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Lọ	3	

88	Dây garo	25c/hộp	Dây garo có khóa nhựa Công dụng: Dùng trong lấy máu Màu sắc: Đỏ, xanh Quy cách: Hộp 25 cái	Chiếc	60	
89	Dây thở oxy gọng kính	10c/túi	Sản xuất từ nhựa y tế PVC an toàn, mềm mại, để sử dụng, không gây các hiệu ứng phụ khi tiếp xúc với cơ thể bệnh nhân. - Màu: xanh nhạt. - Size: người lớn - Chiều dài : 2m	Chiếc	20	
90	Dây truyền Braun (SD máy truyền dịch)	25 bộ/túi	Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, thân kim nhẵn, tròn đều, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt (có phiếu phân tích chất lượng) được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Chiếc	100	
91	Doxycycline	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
92	Dung dịch Bouin	1000ml/chai	Thành phần: acetic acid, 5% formaldehyde, 9% picric acid, 0.9% Bảo quản: nhiệt độ phòng	Lít	2	
93	Dung dịch đỏ Fuchsin	500ml/chai	Chai nhựa có dung tích 500ml, bằng nhựa PP màu trắng đục, có kích thước 170mm. Dùng để nhuộm các vi khuẩn kháng Acid Mycobacteria	Chai	10	
94	Dung dịch HCl 0,1N	hộp 4 ống	Công thức: HCl Nồng độ: 0,1N (+/- 0,001). Quy cách: hộp 4 ống, 1 ống pha cho 1000ml nước.	ống	2	
95	Dung dịch Lugol	500ml/chai	Chai nhựa có dung tích 500ml, bằng nhựa PP màu trắng đục, có kích thước 170mm. Dùng để nhuộm vi khuẩn.	Chai	10	
96	Dung dịch Microsel 4%	500ml/chai	Thành phần: Chứa hoạt chất Chlorhexidine Gluconate 4% kl/tt. Có chất làm mềm, làm ẩm da.	Chai	10	

97	Dung dịch Natriclorit 0.9% (Dịch truyền)	500ml/chai	Dung dịch tiêm truyền Sodium chloride. Thành phần: Natri chloride 4,5g/500ml. Quy cách: 500ml/chai. Bảo quản: Nơi khô (độ ẩm $\leq 70\%$), nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng	Chai	110	
98	Dung dịch Natriclorit 0.9% (Rửa vết thương)	500ml/chai	Thành phần: Thành phần Sodium Chloride: 0.9%, nước cất: 99.1%. Quy cách: 500ml/chai	Chai	70	
99	Dung dịch sát trùng tay nhanh	500ml/chai	Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 0.5%, Ethanol 73%, Iso propyl alcohol, chất dưỡng da, chất giữ ẩm, chất ổn định, hương liệu. Quy cách: 500ml/chai	Chai	50	
100	Dung dịch tím Gential	500ml/chai	Dung dịch: Crystal violet. Chai nhựa có dung tích 500ml, bằng nhựa PP màu trắng đục, có kích thước 170mm. Dùng để nhuộm vi khuẩn.	Chai	10	
101	Dung dịch Xanh Cresyl	100 ml/lọ	Tỉ trọng 1,01 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH 3,7 (H ₂ O, 20°C) Bảo quản ở +15°C đến +25°C. Để nhuộm hồng cầu lưới cho kính hiển vi	Lọ	5	
102	Đầu côn 10µl	96 chiếc/hộp	Chất liệu: Nhựa polypropylene tiết trùng. Dung tích 10µl. Màu: trắng	Hộp	15	
103	Đầu côn 1000µl	96 chiếc/hộp	Đóng gói: 96 chiếc/hộp Chất liệu: Nhựa polypropylene tiết trùng. Dung tích 1000µl. Màu: Xanh	Hộp	10	
104	Đầu côn 200µl	96 chiếc/hộp	Đóng gói: 96 chiếc/hộp Chất liệu: Nhựa polypropylene tiết trùng. Dung tích 200µl. Màu: Vàng	Hộp	15	
105	Đầu côn vàng 200 µl	1000 chiếc/ túi	Đóng gói: 96 chiếc/hộp Chất liệu: Nhựa polypropylene. Dung tích 200µl. Màu: Vàng	Túi	5	
106	Đầu côn xanh 1000 µl	500 chiếc/ túi	Đóng gói: 1000 chiếc/hộp Chất liệu: Nhựa polypropylene. Dung tích 1000µl. Màu: Xanh	Túi	21	
107	Đầu côn xanh 1ml	500 cái/túi	Đóng gói: 500 chiếc/hộp Chất liệu: Nhựa polypropylene. Dung tích 1000µl. Màu: Xanh	Túi	1	
108	Đầu lọc dung môi trong bình chứa dung môi	1c/hộp	Đóng gói: 500 chiếc/hộp Bộ lọc thủy tinh, đầu vào dung môi, 20 µm, cho Agilent 1200 Infinity Series	Chiếc	20	Dùng cho HPLC 1200 và

109	Đầu màng lọc Frit	túi 5 cái	Vật liệu lọc Chất liệu PTFE. Dùng cho HPLC 1200 và 1120 của Agilent Technologies	Túi	2	1120 của Agilent Technologies
110	Đĩa petri nhựa Ø 90 mm vô trùng	10 cặp đĩa/ túi	Chất liệu nhựa PS. Kích thước : 90x15mm Màu : tự nhiên Đĩa được vô trùng bằng tia gamma. Đóng gói kín trong bao nhựa PP	túi	600	
111	Ete dầu hỏa	500ml/chai	Là chất lỏng không màu. Điểm chớp cháy: -31 °C. Điểm sôi/khoảng sôi: > 50 °C ở 1.013 hPa. Khối lượng riêng: 0,666 g/cm ³ ở 15 °C. Tính tan trong nước: ở 20 °C không thể pha trộn Nhiệt độ sôi: 60-90°C	lít	5	
112	Ether	500 m/lọ	Công thức phân tử: (CH ₃ CH ₂) ₂ O hoặc (C ₂ H ₅) ₂ O - Bề ngoài: Chất lỏng không màu - Mùi: Khó, ngọt - Khối lượng phân tử: 74,12g / mol - Khối lượng riêng: 0.7134g / cm ³ - Điểm nóng chảy: -116,3 °C (156,8K; -177,3 °F) - Điểm sôi: 34,6 °C (307,8K; 94,3 °F) - Độ hòa tan trong nước: 6.05g / 100 ml.	Lọ	3	
113	Eugenol 30ml	29.6ml/lọ	Eugenol là dung dịch có tác dụng giảm đau, có thể được dùng như thuốc băng ống tủy, trộn paste trám bít tủy... Quy cách: lọ 29.6ml	Lọ	4	
114	Formandehyt bão hoà	500 m/lọ	Công thức hóa học: CH ₂ O/HCHO Khối lượng phân tử: 30.03 Tồn tại: Dạng lỏng không màu Khảo nghiệm: >95.0% Quy cách: 500ml Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát	Lít	80	
115	Fuji IX 15g	15g/lọ	Thành phần: 15g Powder, 8g Liquid	Hộp	6	
116	FX 15g	hộp 15g	Glaslonomer FX Ultra là một chất phục hồi thủy tinh ionomer tự kết dính. Thành phần: 15g Powder, 8ml (10g) Liquid. Có các màu A2, A3, A3.5, B2	Hộp	4	
117	Gạc y tế	tệp 20met	Thành phần: 100% cotton, có hoặc không có sợi cân quang	Mét	1350	

118	Gạc y tế	5 cuộn/gói	Thành phần: 100% cotton. Kích thước: 0.7m x 5m. Quy cách: 5 cuộn/gói	Gói	10	
119	Găng tay chịu hóa chất	50 đôi/hộp	Chất liệu: cao su tổng hợp Nitrile cao cấp, bền bỉ. Chống hóa chất. Có thể sử dụng nhiều lần. Chiều dài 330mm tăng diện tích bảo vệ tay khỏi hóa chất. Bề mặt găng tay nhám giúp tăng độ bám. Có khả năng chịu hóa chất ở nồng độ và chủng loại nhất định.	Hộp	3	
120	Găng tay không bột Size M	50 đôi/hộp	Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao. Loại không bột – phủ Polymer hoặc Chlorin: dùng cho cả 2 tay; màu trắng hoặc ngà vàng. Kích thước: S. Chiều dài: 240mm, Chiều rộng: 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), Độ dày: 0.1 min (Ngón tay), 0.1 min (Lòng bàn tay)	Hộp	10	
121	Găng tay vô khuẩn	50 đôi/hộp	Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao. Loại có bột: từng tay riêng biệt; bề mặt nhám; xe viền cổ tay; màu trắng tự nhiên, sử dụng bột bấp biến tính được chấp thuận bởi FDA, loại USP. Tiêu chuẩn chất lượng: phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D3577. Tiệt trùng bằng khí E.O. Chiều dài: 280 ± 5 min, Chiều rộng: 85 ± 5 (S), 95 ± 5 (M), 105 ± 5 (L), Độ dài 1 lớp: 0.13 min (Ngón tay), 0.12 min (Lòng bàn tay), 0.10 min (Cổ tay)	Hộp	40	
122	Găng tay y tế	50 đôi/hộp	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng ngón tay: 0,11 mm đến 0,13mm, Lòng bàn tay: 0.10 mm đến 0,12mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 7,0$ N; Sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): $\leq 10\text{mg/dm}^2$. Hàm lượng Protein dưới 200 $\mu\text{g/dm}^2$.	Hộp	428	
123	Gel bôi trơn- mỡ KY	42 tuyp/hộp	Gel KLY hay còn gọi là chất bôi trơn KLY tan trong nước, được sử dụng để bôi trơn trong nội soi, nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, thăm khám và bôi trơn âm đạo. Không có mùi hôi và không gây độc hại, có thể tích 45gr	Tuyp	20	

124	Gel siêu âm	Can 5 lít	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không có formaldehyde Tổng số vi sinh vật khi hiệu <10 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẩn cảm hoặc rất da. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước, PH:5-7.5. Vật chất biểu hiện:dạng gel Màu sắc: màu xanh, không màu Mùi vị: không mùi	Can	1	
125	Gentamycin	5x50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
126	Glucose	1x200 ml Reagent A 1x5 ml Standard	A. Thuốc thử: Phosphate 100 mmol/L, phenol 5 mmol/L, glucose oxidase > 10 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrine 0,4 mmol/L, pH 7,5 S. Glucose/Urê/Creatinine chuẩn. Glucose 100 mg/dL (5,55 mmol/L), urê 50 mg/dL, creatinine 2 mg/dL. Nước tiêu chuẩn chính. Bảo quản: 2-8 °C	Hộp	3	
127	Giá cắm ống nghiệm (inox không gỉ Ø15 mm)	50 vị trí/1 chiếc	Giá inox đựng ống nghiệm 2 tầng chất liệu inox sáng bóng. Giá inox 40 lỗ. Kích thước lỗ 15mm	Chiếc	6	
128	Giá cắm ống Pachekop	Chiếc	Giá làm bằng inox sáng bóng, đế đệm cao su êm ái giữ ống thẳng đứng chắc chắn. Một giá cắm được 10 ống	Chiếc	2	
129	Giá cắm tiêu bản		Giá nhuộm lam 30 vị trí nằm ngang. Kích thước 12.5*8*2.25cm	Chiếc	10	
130	Giá để ống nghiệm		Có tay cầm tiện lợi Inox 304 chống gỉ sét	Giá	10	
131	Giá nhuộm		Giá ống nghiệm nhựa 2 tầng 36 lỗ kích thước lỗ 18mm	Chiếc	5	
132	Giá treo burette		Chất liệu: nhựa chống ăn mòn hóa chất. Màu sắc: trắng hoặc xám. Kích thước: 5x30x105mm. 24 vị trí Bộ giá đỡ Buret để bằng đá cẩm thạch, trụ inox cao 60cm, đường kính 1cm.	Bộ	10	

133	Giấy chỉ thị vạn năng	1 cuộn/hộp	Giấy đo pH dạng cuộn 1-14 được tẩm chất chỉ thị thay đổi màu. Giấy đo pH 1-14 4 có thể đo độ pH của dung dịch trong thang từ 1-14 và có bảng màu đi kèm	Cuộn	5	
134	Giấy đo pH	1 cuộn/hộp	Giấy đo pH dạng cuộn 1-14 được tẩm chất chỉ thị thay đổi màu. Giấy đo pH 1-14 4 có thể đo độ pH của dung dịch trong thang từ 1-14 và có bảng màu đi kèm	Cuộn	10	
135	Giấy ghi điện tim có dòng kẻ	tệp 142 tờ	Giấy điện tim 6 cần Nihon Kohden có dòng kẻ. Kích thước: 110mm x 140mm x 142 tờ (dạng xấp), trắng có kẻ	Tập	25	
136	Giấy gói dụng cụ	72x120cm	Chất liệu: Giấy Kraft xi măng. Kích thước: 72 x 120cm	kg	20	
137	Giấy lọc	100 tờ/Hộp	Kích thước: Hình tròn Φ 110mm, Φ 180mm,... Thời gian chảy dao động từ 35 giây đến 140 giây. Cấp độ lọc: 10 μm – 25 μm Phần trăm độ tro của giấy lọc < 0,01%	Hộp	4	
138	Giấy parafin	1 Cuộn/ hộp	Parafilm M là loại màng nhiệt dẻo, không thấm nước, khí có thể đi qua, tự hàn kín nhằm giúp giảm bốc hơi độ ẩm ở mức tối thiểu và là một hàng rào bảo vệ tuyệt vời cho môi trường nuôi cấy bên trong ống nghiệm, bình tam giác, bình cấy mô.... Kích thước: 4 inches x 125 feet (10 cm x 38.1 m)	Cuộn	1	
139	Giấy siêu âm	10c/hộp	Giấy in kết quả dùng trong chuẩn đoán y khoa Kích thước: 110mm x 20m Quy cách: Hộp 10 cuộn	Cuộn	20	
140	Giấy thấm	100 tờ/Hộp	Giấy lọc định tính lọc nhanh fi 18cm Loại: Giấy lọc định tính tốc độ lọc nhanh. Tốc độ lọc: Nhanh. Đường kính lỗ lọc: 80 – 120 μm. Tốc độ cháy: < 35s. Hàm lượng tro: 0.15%. Định dạng: Tròn	Hộp	2	
141	Giemsa mẹ	500ml/ chai	Điểm sôi >65 °C (1013 hPa) Tỉ trọng 0,99 g/cm3 (20 °C) Giá trị pH 6,0 - 8,2 (H ₂ O, 20 °C) (không pha loãng) Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	chai	3	

142	H ₂ O ₂	500ml/lọ	Công thức phân tử: H₂O₂ Màu sắc: Không màu, trong suốt Độ hòa tan trong nước Hòa tan hòa toàn Độ pH: Axit (2.5 – 3.5) Khối lượng riêng (kg/m³): 1.1 Nhiệt độ sôi (°C): 108°C Nhiệt độ nóng chảy (°C): 33°C Xét nghiệm (đo độ kiềm) 37,0 - 38,0 % Tỉ trọng 1,19 g/cm³ (20 °C) giá trị pH <1 (H₂O, 20 °C) Áp suất hơi 190 hPa (20°C) Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Lọ	2	
143	HCl	1 lít/chai	Axit nitric 65% Điểm sôi 121 °C (1013 hPa) Tỉ trọng 1,39 g/cm³ (20 °C) Độ nóng chảy -32°C giá trị pH <1 (H₂O, 20 °C) axit mạnh Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Chai	5	
144	HNO ₃ đặc	1 lít/chai	Axit nitric 65% Điểm sôi 121 °C (1013 hPa) Tỉ trọng 1,39 g/cm³ (20 °C) Độ nóng chảy -32°C giá trị pH <1 (H₂O, 20 °C) axit mạnh Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Chai	10	
145	Hóa chất tách chiết DNA	50 test/hộp	Dạng: cột tinh sạch Mẫu đầu vào: Máu ngoại vi toàn phần, đờm và đờm tổng hợp, nước tiểu, phết và tăm bông, rửa phế quản phế quản (BAL), dịch não tủy (CSF, liquor) và CSF tổng hợp, nước bọt và sinh thiết. Chứng nhận: CE IVD Thể tích mẫu tách: lên đến 200 µl dịch cơ thể Năng suất trung bình 4-6 µg	Hộp	2	
146	Hóa chất tách chiết RNA	96 test/hộp	Tách chiết sử dụng phương pháp phenol/chloroform. Kit được pha chế ở dạng “ready to use” (sẵn sàng sử dụng), có thể sử dụng ngay mà không cần phải thực hiện thêm bất kỳ công đoạn pha chế nào, giúp tránh sai sót và tăng tốc xét nghiệm. Các dung dịch dùng cho tách chiết DNA - Tube 1.5ml	Hộp	2	
147	Hộp đựng tiêu bản	30 cái/thùng	Hộp đựng lam 100-vị trí, 5 màu: white, blue, green, red, yellow, KT 8.25 x 6.37 x 1.25 in, 5/Pack, 30 cái/thùng	Chiếc	10	

148	Hộp đựng vật sắc nhọn	50c/hộp	Chất liệu: Giấy Duplex kháng trùng Màu sắc: Màu Vàng Y tế Kích thước: 150 x 120 x 270mm Dung tích: 5L	Cái	60	
149	Hộp inox trong đựng bông 8.5x7 cm		Chất liệu: inox Kích thước: 8.5 x 7cm	chiếc	5	
150	Huyết áp đồng hồ cơ học Nhật Bản loại I	1c/hộp	Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hóa. Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn (không bị lệch điểm không) Tai nghe có độ khuếch đại lớn, nghe êm, không đau tai	Cái	15	
151	Huyết thanh Coombs	10ml/lọ	Là 1 hỗn hợp cân bằng của Globulin có độ tinh khiết cao gồm Anti-IgG và Anti-C3d Hiệu giá: Anti-IgG $\geq$ 1:256; Anti-C3d $\geq$ 1:16 Độ đặc hiệu: đa đặc hiệu với IgG người và các thành phần bổ thể C3b và C3d Quy cách đóng gói: 10 ml/ lọ	Lọ	6	
152	Huyết thanh mẫu Anti-D	10ml/lọ	Xác định nhóm máu hệ Rho Quy cách đóng gói: 10 ml/ lọ	Lọ	40	
153	Immipenem	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8 ^o Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
154	K ₂ HPO ₄	1000g/ lọ	Khối lượng phân tử 228,23 g/mol Độ nóng chảy 340 °C (chất khan), phân hủy giá trị pH 9,2 - 9,4 (50 g/l, H ₂ O, 25 °C) Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Lọ	2	
155	Kéo y tế	16cm	Chất liệu inox. Chiều dài 16cm	Chiếc	5	
156	Kim chích máu	200 chiếc/hộp	Kim Chích Máu Blood Lancets Công dụng: Kim chích lấy máu bệnh nhân. Kim Chích Máu Blood Lancets Được sản xuất từ thép carbon, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại. Tiệt trùng từng cây	Hộp	20	

157	Kim lấy thuốc 18 G	100 chiếc/hộp	Kim tiêm nhựa sử dụng 1 lần Chất liệu thân kim tiêm: thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Vật liệu làm đốc kim: Chất dẻo và được nhuộm màu theo tiêu chuẩn quốc tế. Khử trùng bằng khí E.O. Vô trùng, không gây độc, không sốc.	Hộp	30	
158	Kim luồn 20G	100 chiếc/hộp	Màu sắc: Màu hồng, dài 33mm, lưu lượng 61ml/phút)	Chiếc	100	
159	Kim luồn 22G	100 chiếc/hộp	Màu sắc: Màu xanh dương, dài 25mm, lưu lượng 36ml/phút):	Chiếc	100	
160	Kim tam giác khâu da cỡ nhỏ	10c/túi	Kim khâu y tế được làm từ hợp kim thép chắc khỏe, có khả năng đàn hồi chống cong gãy, thân kim chống xoay khi kẹp kim giúp phẫu thuật viên thao tác dễ dàng Đầu kim: Tam giác 1/2. - Kim có độ sắc cao	Túi	10	
161	Kim tam giác khâu da cỡ trung	10c/túi	Kim khâu y tế được làm từ hợp kim thép chắc khỏe, có khả năng đàn hồi chống cong gãy, thân kim chống xoay khi kẹp kim giúp phẫu thuật viên thao tác dễ dàng Đầu kim: Tam giác 1/2. - Kim có độ sắc cao	Túi	10	
162	Kim tê tùy sống	100c/hộp	Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, ngọt đâm kim vào nhẹ, êm, bệnh nhân gần như không thấy đau. - Kim và nòng được làm bằng chất liệu đặc biệt, tạo độ cứng hợp lý nên không bị gãy, cong khi bệnh nhân đẩy dũa. - Cán kim thiết kế rất dễ sử dụng và cho phép biết được nhanh và chính xác kim đã chọc vào tủy sống nhờ áp lực dịch não tủy đẩy nòng kim ra. Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide).	Chiếc	50	
163	Kim tròn cỡ nhỏ	10c/túi	Kim khâu y tế được làm từ hợp kim thép chắc khỏe, có khả năng đàn hồi chống cong gãy, thân kim chống xoay khi kẹp kim giúp phẫu thuật viên thao tác dễ dàng Đầu kim: tròn. - Kim có độ sắc cao	Túi	10	
164	Kim tròn cỡ trung	10c/túi	Kim khâu y tế được làm từ hợp kim thép chắc khỏe, có khả năng đàn hồi chống cong gãy, thân kim chống xoay khi kẹp kim giúp phẫu thuật viên thao tác dễ dàng Đầu kim: tròn. - Kim có độ sắc cao	Túi	10	

165	Kính đeo mắt (bảo hộ lao động)	10c/hộp	Mắt kính: Mắt kính Polycarbonate Gọng Kính: ABS Màu sắc: Màu trắng Chống động sương và hơi nước. Khả năng chống va đập, chống trầy xước, chống bụi, chống tĩnh điện	Chiếc	5	
166	Kit chẩn đoán HBV bằng phương pháp PCR thường	bộ 25 test	Kỹ thuật: Real- time PCR Phương pháp phân tích: Định tính và định lượng Trình tự đích: Trình tự DNA bảo thủ ở khung đọc mở X (ORFx) Độ đặc hiệu: HBV genotype A-H, HBV đột biến tiền lõi (âm tính với HBeAg), 100% Độ nhạy (giới hạn phát hiện): chỉ từ 13.9 IU/ml với xác suất 95% Kiểm soát tách chiết/ ức chế Kiểm soát ức chế PCR và kiểm soát năng suất tách chiết ADN (ISEX) Mẫu đầu vào: Huyết tương, huyết thanh Kênh màu yêu cầu: FAM, HEX Chứng nhận: CE IVD	test	150	
167	Kit chẩn đoán HBV bằng phương pháp realtime PCR	bộ 25 test	Kỹ thuật: Real- time PCR Phương pháp phân tích: Định tính và định lượng Trình tự đích: Trình tự DNA bảo thủ ở khung đọc mở X (ORFx) Độ đặc hiệu: HBV genotype A-H, HBV đột biến tiền lõi (âm tính với HBeAg), 100% Độ nhạy (giới hạn phát hiện): chỉ từ 13.9 IU/ml với xác suất 95% Kiểm soát tách chiết/ ức chế Kiểm soát ức chế PCR và kiểm soát năng suất tách chiết ADN (ISEX) Mẫu đầu vào: Huyết tương, huyết thanh Kênh màu yêu cầu: FAM, HEX Chứng nhận: CE IVD	test	150	

168	Kit chẩn đoán HCV bằng phương pháp realtime PCR	bộ 50 test	- Tất cả các thành phần phản ứng realtime PCR (với kit PCR) chứa trong tube chạy phản ứng tương thích với máy real-time PCR. - Hóa chất tổng hợp cDNA - Chứng âm, chứng dương	test	100	
169	Kit chẩn đoán SARS-COV-2 bằng phương pháp RT realtime PCR	Bộ/ 96 Test	- Bao gồm đầy đủ các hóa chất, thuốc thử cần thiết cho phản ứng One-step RT-PCR định tính SARS-CoV-2. - Xác định đồng thời 2 gen của SARS-CoV-2 là RdRp và N; tích hợp xác định chứng nội kiểm là gen Rnase P của người. - Độ đặc hiệu 100%, ngưỡng phát hiện là 20 cp/rxn. - Độ chính xác 100%, không có phản ứng chéo với các tác nhân khác. - Hạn sử dụng 12 tháng. - Đã được xác thực trên 4 dòng máy Realtime PCR: CFX96 Real Time PCR Detection System; LightCycler @ 480 Instrument; QuantStudio3 Real Time PCR Instrument và 7500 Real Time PCR Instrument system. - Chứng chỉ: CE-IVD"	test	96	
170	Kit điện di gel agarose	50 test/ bộ	Bộ kit điện di trên gel agarose (Agarose gel electrophoresis) được sử dụng chủ yếu để phân tách DNA trong mẫu dựa trên kích thước, kỹ thuật này cũng được sử dụng để phân tách RNA hoặc protein. Agarose là một loại polysaccharide tự nhiên được chiết từ tảo biển. Gel agarose sử dụng trong điện di thường ở nồng độ 0.5 ~ 2%, tùy vào kích thước DNA cần phân tách. Quy cách: 50 test/bộ	Bộ	2	
171	Kit tổng hợp cDNA	50 test/ bộ	Kit tổng hợp cDNA và phản ứng PCR cùng một lúc bằng cách sử dụng các đoạn mồi đặc hiệu cho gen. Quy cách: Bộ 50 test	test	100	
172	Kligler agar	500g/hộp	Màu sắc: đỏ Giá trị pH: 7,2- 7,6 Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	2	
173	KOVACS' indole reagent	100mL/lọ	Tỷ trọng 0,92 g/cm ³ (20 °C) Điểm sáng 36°C giá trị pH <1 (H ₂ O, 20 °C) Bảo quản ở +2°C đến +8°C.	Lọ	4	

174	KH ₂ PO ₄	1000g/ hộp	Công thức hóa học KH ₂ PO ₄ Khối lượng phân tử 136,09 g/mol Tỉ trọng 2,33 g/cm ³ (21,5 °C) Độ nóng chảy 252,6 °C (phân hủy) giá trị pH 4,2 - 4,6 (20 g/l, H ₂ O, 20°C) Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Lọ	2	
175	Khay đựng dụng cụ inox 35x50 cm		Chất liệu: Được làm từ chất liệu inox cao cấp, an toàn cho người sử dụng	cái	10	
176	Khay men đựng dụng cụ 20x30cm	Chiếc	Chất liệu: Sắt tráng men. Kích thước: 20x30cm	Chiếc	5	
177	Khay quả đậu		Chất liệu: Được làm từ chất liệu inox cao cấp, an toàn cho người sử dụng	chiếc	3	
178	Khẩu trang y tế 4 lớp	50 chiếc/ hộp	Cầu tạo 4 lớp. Thành phần: sử dụng vải không dệt không hút nước + Giấy vi lọc: không thấm nước + Nẹp mũi: bằng nhựa hoặc kim loại để điều chỉnh, tác dụng kẹp khí khẩu trang trên sống mũi. + Quai đeo: Dùng loại dây có tính đàn hồi, ví dụ: dây thun, giúp cho việc đeo, tháo khẩu trang dễ dàng, đảm bảo. Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoanh Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	55	
179	Khoanh giấy V	5x 50 khoanh	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoanh Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
180	Khoanh giấy X	5x 50 khoanh	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoanh Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
181	Khoanh giấy XV	5x 50 khoanh	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoanh Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	

182	Lam kính có nhám	50 chiếc/hộp	Chất liệu thủy tinh vôi soda của lớp thủy phân thứ ba. Kích thước: xấp xỉ. 76x26mm Độ dày: xấp xỉ. 1 mm (tổng $\pm 0,05$ mm). Lam kính hiển vi mờ: với diện tích đánh dấu mờ mượt xấp xỉ. 20 mm. Đóng gói 50c/hộp	Hộp	222	
183	Lam mẫu bào nang E.coli		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa bào nang E.Coli	lam	20	
184	Lam mẫu bào nang E.histolytica		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa bào nang E.histolytica	lam	20	
185	Lam mẫu bào nang Giardia		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa bào nang Giardia	lam	20	
186	Lam mẫu KST sốt rét Plasmodium falciparum		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa KST sốt rét Plasmodium falciparum	lam	20	
187	Lam mẫu KST sốt rét Plasmodium vivax		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa KST sốt rét Plasmodium vivax	lam	20	
188	Lam mẫu trứng giun đũa		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng giun đũa	lam	20	
189	Lam mẫu trứng giun kim		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng giun kim	lam	20	
190	Lam mẫu trứng giun móc/mỏ		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng giun móc/mỏ	lam	20	
191	Lam mẫu trứng giun tóc		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng giun tóc	lam	20	
192	Lam mẫu trứng sán dây chuột		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng sán dây chuột	lam	20	
193	Lam mẫu trứng sán dây lợn/bò		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng sán dây lợn/bò	lam	20	
194	Lam mẫu trứng sán lá gan lớn		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng sán lá gan lớn	lam	20	
195	Lam mẫu trứng sán lá gan nhỏ		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng sán lá gan nhỏ	lam	20	
196	Lam mẫu trứng sán lá phổi		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng sán lá phổi	lam	20	
197	Lam mẫu trứng sán lá ruột lớn		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng sán lá ruột lớn	lam	20	
198	Lam mẫu trứng sán lá ruột nhỏ		Kích thước: 76x26mm. Bên trên có chứa trứng sán lá ruột nhỏ	lam	20	
199	Lamen	100 chiếc/ Hộp	Chất liệu thủy tinh trong suốt. Kích thước 22x22 mm. Quy cách: 100c/hộp	Hộp	150	
200	Lấy dấu	500g/gói	Thành phần: Sodium alginate, Calcium sulfate và các loại thành phần khác. Quy cách: 500g/gói	Gói	6	
201	Levofloxacin	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	

202	Lọ thủy tinh có công tơ hút màu trắng	10c/hộp	Chất liệu thủy tinh trong suốt. Thể tích 125ml	Lọ	20	Đựng mẫu chạy HPLC 1200/1120 hoặc GC 7890A
203	Lọ Vial đựng mẫu cho sắc ký lỏng và sắc ký khí 2,0mL	100c/hộp	Lọ, nắp vận, trong suốt, được chứng nhận, 2 mL, 100/hộp. Kích thước lọ: 12 x 32 mm (nắp 12 mm) Đựng mẫu chạy HPLC 1200/1120	Hộp	2	
204	Macconkey agar	500g/hộp	giá trị pH 6,9 - 7,3 (50 g/l, H ₂ O, 25 °C) mật độ lớn 720 kg/m ³ độ hòa tan 50 g/l Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	2	
205	Manitol egg yolk polymyxin agar (MYP agar)	500g/ Hộp	giá trị pH 7,0 - 7,4 (43 g/l, H ₂ O, 25 °C) (sau khi hấp khử trùng) độ hòa tan 43 g/l Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	1	
206	Mask thở oxy	50 cái/thùng	Mask thở Oxy làm bằng vật liệu vinyl sạch, mềm, đem lại sự thoải mái cho bệnh nhân khi sử dụng. - Điều chỉnh chốt clip ở mũi bảo đảm sự thoải mái nhất cho bệnh nhân (Cũng có sẵn mask không có chốt clip ở mũi) - Quy cách: 50 cái/thùng	Chiếc	20	
207	Máy đo Clo dư và Clo tổng		Đo clo dư và clo tổng trong nước sạch và nước ngọt. - Xác định nồng độ từ 0.00 đến 10.00 mg/L (ppm) Cl ₂ - Hiệu chuẩn tự động CAL CheckTM - Hướng dẫn từng bước trên màn hình. - Ghi dữ liệu tự động.	Cái	2	
208	Meropenem 10ug	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
209	Methyl red	25g/hộp	Dạng bột, màu sắc: đỏ tới đỏ tía. Khối lượng phân tử 269,31 g/mol Độ nóng chảy 179 - 182°C Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Hộp	2	

210	Metronidazol	5x 50 khoanah	Khoanh giấy tằm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoanah Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
211	Micropipet hấp tiệt trùng loại 10ml	1 chiếc/hộp	Micropipet tự động đơn kênh có khóa an toàn thể tích. Thiết lập thể tích hút nhanh chóng. Có thể tiệt trùng toàn bộ: Nhiệt độ: 1210C; Áp suất 1.05 bar (15 psig); Thời gian tiệt trùng: ≤ 15 phút. Thiết kế phù hợp với nhiều loại đầu tip. Dài thể tích từ 2000 µl đến 10000 µl	Cái	2	
212	Miếng dán điện cực Monitor	30c/túi	Vật liệu xốp bảo vệ điện cực và gel từ các chất tẩy rửa phẫu thuật. Gel rắn dính nhanh chóng và giúp ghi tín hiệu tốt trên bề mặt da. Tất cả điện cực dán đều có lớp tiếp xúc chất lượng cao Ag/AgCl. Dùng một lần, đã bôi gel, không nhựa mũ, không PVC, không vô trùng	Túi	20	
213	Môi trường Chromagar TH Candida	238.5gram/hộp	CHROMagar™ Candida Dùng để phân lập và phân biệt các loài Candida Màu sắc đặc trưng của khuẩn lạc như sau: Candida albicans → màu xanh lá cây Candida tropicalis → màu xanh ánh kim Candida krusei → hồng, mờ Loài khác → trắng đến màu hoa cà Quy cách đóng gói: 238,5g/hộp	Hộp	2	
214	Môi trường Sabourand	500 gram/hộp	Màu sắc: vàng nâu Giá trị pH 5.6 (65 g/l, H ₂ O, 25 °C) (sau khi hấp khử trùng) độ hòa tan 65 g/l Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	4	
215	MR-VP	500g/hộp	Màu sắc: vàng nâu Giá trị pH 6,8 - 7,0 (17 g/l, H ₂ O, 37 °C) (sau khi hấp khử trùng) Độ hòa tan 17 g/l	Hộp	1	

216	Muller hinton agar	500g/hộp	Màu sắc: nâu vàng Giá trị pH: 7,1- 7,5 Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	2	
217	Mực tàu	200ml	Mực tàu pha sẵn màu đen dạng lỏng	Lọ	1	
218	Na ₂ CO ₃	500g/ hộp	Công thức hóa học Na ₂ CO ₃ Khối lượng phân tử 105,99 g/mol giá trị pH 11,16 (4 g/l, H ₂ O, 25 °C) độ hòa tan 212,5 g/l Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Hộp	2	
219	Natri citrat	500g/hộp	Khối lượng phân tử 294,10 g/mol Độ nóng chảy 300 °C (chất khan) giá trị pH 7,5 - 9,0 (50 g/l, H ₂ O, 25 °C) độ hòa tan 720 g/l Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Hộp	1	
220	Neufuchsin	100g/hộp	Màu sắc: Màu xanh lá cây đậm Phổ hồng ngoại phù hợp Tỷ lệ hấp thụ P-15/P+15 1,1 đến 1,4 UV Lambda tối đa 550 đến 554 nm (trong 50% ethanol) Độ hấp thụ riêng A (1%/1cm) >=1500 (ở mức tối đa lambda)	Hộp	5	
221	Novobiocin	5x 50 khoan	Khoanh giấy tâm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
222	Nước cất	500ml	Nước cất pha tiêm 500ml	Chai	15	
223	Nước muối sinh lý	10 ml/chai/ 10 chai/lốc	Nước muối sinh lý là hỗn hợp giữa nước và natri chloride được pha chế với tỷ lệ 0,9%	Bộ	4	

224	Optochin	5x 50 khoan	Khoanh giấy tâm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
225	Oxacillin	5x 50 khoan	Khoanh giấy tâm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
226	Oxidase strips	5x 50 khoan	Khoanh giấy tâm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	10	
227	Ống Cook (Bougie)		CÂY BOUGIES – ỐNG COOK – CÂY ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN KHÓ. Đặt nội khí quản khó, quản lý đường thở. Cây dài 700 mm	Cái	4	
228	Ống chiết Soxhlet		Chất liệu: thủy tinh, trong suốt	cái	10	
229	Ống chống đông EDTA	100 ống/hộp	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp xanh dương Trên nhãn: logo hình giọt nước bên trái, ba vòng tròn HTM bên phải Sử dụng chất kháng đông K2/K3-EDTA với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa 6-8 giờ	hộp	2	
230	Ống chống đông Heparin	100 ống/hộp	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu đen Trên nhãn: logo hình giọt nước bên trái, ba vòng tròn HTM bên phải Sử dụng chất kháng đông Heparin	Hộp	10	

231	Ống chống đông natricitrat 3,8%	100 ống/hộp	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu xanh lá cây Trên nhãn: logo hình giọt nước bên trái, ba vòng tròn HTM bên phải Sử dụng dung dịch TriSodium citrate 3.8%	hộp	2	
232	Ống Durham	1000g/ Túi	Chất liệu thủy tinh, trong suốt	Túi	1	
233	Ống đông thể tích 100ml	2 chiếc/hộp	Ống đông có thiết kế với cấu tạo 3 máu, độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo, chân đế hình lục giác giúp ống đông tránh bị đổ và giúp ống đông vững chắc. Vạch chia màu xanh. Dung tích 100ml	Chiếc	5	
234	Ống đông thể tích 250ml	2 chiếc/hộp	Ống đông có thiết kế với cấu tạo 3 máu, độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo, chân đế hình lục giác giúp ống đông tránh bị đổ và giúp ống đông vững chắc. Vạch chia màu xanh. Dung tích 250ml	Chiếc	5	
235	Ống đông thể tích 50ml	2 chiếc/hộp	Ống đông có thiết kế với cấu tạo 3 máu, độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo, chân đế hình lục giác giúp ống đông tránh bị đổ và giúp ống đông vững chắc. Vạch chia màu xanh. Dung tích 50ml	Chiếc	5	
236	Ống eppendorf 1.5ml	400c/hộp	Tuýp ly tâm nhựa 1.5ml, tiết trùng, PP, dạng Eppendorf type, chia vạch, có nắp, (Gói 50 cái, hộp 400 cái)	cái	500	
237	Ống NKQ không cuff cho đối tượng trẻ em	10 chiếc/hộp	Chất liệu: được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương không cuff	Cái	4	
238	Ống nội khí quản 2 nòng (Carlen) Ống Phải	10 chiếc/hộp	Chất liệu: được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương, 2 nòng Carlen ống phải	Cái	2	
239	Ống nội khí quản 2 nòng (Carlen) Ống Trái	10 chiếc/hộp	Chất liệu: được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương, 2 nòng Carlen ống trái	Cái	2	
240	Ống nội khí quản lò xo đặt đường mũi	10 chiếc/hộp	Chất liệu: được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương. Lò xo giúp ống không bị gấp lại gây tắc nghẽn khi bệnh nhân co cổ lại. Kích thước: Size 6.	Cái	2	
241	Ống nội khí quản lò xo đặt đường mũi	10 chiếc/hộp	Chất liệu: được làm từ chất liệu PVC mềm, hạn chế nguy cơ chấn thương. Lò xo giúp ống không bị gấp lại gây tắc nghẽn khi bệnh nhân co cổ lại. Kích thước: Size 7	Cái	2	

242	Ống nội khí quản số 6.0	10 chiếc/hộp	Công dụng: Làm thông đường thở một cách hiệu quả và nhanh chóng. - Thân ống mềm mại, trong suốt và chống xoắn - Chất liệu: Nhựa y tế + Silicon, không độc hại. Cỡ 6.0	Chiếc	10	
243	Ống nội khí quản số 6.5	10 chiếc/hộp	Công dụng: Làm thông đường thở một cách hiệu quả và nhanh chóng. - Thân ống mềm mại, trong suốt và chống xoắn - Chất liệu: Nhựa y tế + Silicon, không độc hại. Cỡ 6.5	Chiếc	10	
244	Ống nội khí quản số 7.0	10 chiếc/hộp	Công dụng: Làm thông đường thở một cách hiệu quả và nhanh chóng. - Thân ống mềm mại, trong suốt và chống xoắn - Chất liệu: Nhựa y tế + Silicon, không độc hại. Cỡ 7.0	Chiếc	10	
245	Ống nghe đôi dùng trong giảng dạy	10 chiếc/hộp	Hai đầu nghe làm bằng thép không gỉ. Màng đặc biệt, Ø 48 mm, với đặc biệt bằng phẳng và mềm mại vành không lạnh cho cái tiến thích ứng trên da. Bell, Ø 36 mm. Tổng chiều dài: 115 cm.	Cái	15	
246	Ống nghiệm 12*0.8 cm	500 ống/hộp	Chất liệu thủy tinh trong suốt. Kích thước 12*0.8 cm	Ống	500	
247	Ống nghiệm 75x9.5mm	500 ống/hộp	Chất liệu thủy tinh trong suốt. Kích thước 75*9.5 cm	Ống	1000	
248	Ống nghiệm nhựa thót đáy	100 ống/túi	Chất liệu nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 15ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chịu được lực ly tâm 6000 vòng/phút.	ống	200	
249	Ống Pachencop	10c/hộp	Ống pachencop đo tốc độ máu lắng, chất liệu bằng thủy tinh có chia vạch số rõ ràng để sử dụng, chiều dài ống 25cm	Chiếc	30	
250	Panh		Chất liệu inox. Kích thước: 16cm	Cái	8	
251	Panh không máu	18cm	Chất liệu inox, có máu. Kích thước: 16cm	Chiếc	4	
252	Pepton water	500g/ Hộp	giá trị pH 7.2 (25 g/l, H ₂ O, 37 °C) (sau khi hấp khử trùng) mật độ lớn 800 kg/m ³ độ hòa tan 25,5 g/l Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	1	

253	Pipet bầu thể tích 10ml	10c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt Dung tích 10 ml, có vạch chia rõ nét. Pipet bầu có thể tích chính xác được khắc trên bầu Pipet	Chiếc	5	
254	Pipet bầu thể tích 1ml	10c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt Dung tích 1 ml, có vạch chia rõ nét. Pipet bầu có thể tích chính xác được khắc trên bầu Pipet	Chiếc	5	
255	Pipet bầu thể tích 25ml	10c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt Dung tích 25 ml, có vạch chia rõ nét. Pipet bầu có thể tích chính xác được khắc trên bầu Pipet	Chiếc	5	
256	Pipet bầu thể tích 5ml	10c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt Dung tích 5 ml, có vạch chia rõ nét. Pipet bầu có thể tích chính xác được khắc trên bầu Pipet	Chiếc	5	
257	Pipet pasteur nhựa	500 chiếc/ túi	Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml.	Túi	10	
258	Pipet tự động thể tích: 10μl - 100 μl	1c/hộp	Micropipet tự động đơn kênh có khóa an toàn thể tích. Thiết lập thể tích hút nhanh chóng. Có thể tiết kiệm toàn bộ. Nhiệt độ: 1210C; Áp suất 1.05 bar (15 psig); Thời gian tiết kiệm: ≤ 15 phút. Thiết kế phù hợp với nhiều loại đầu tip. Dải thể tích từ 10 μl đến 100 μl	Chiếc	2	
259	Pipet tự động thể tích: 100μl - 1000 μl	1c/hộp	Micropipet tự động đơn kênh có khóa an toàn thể tích. Thiết lập thể tích hút nhanh chóng. Có thể tiết kiệm toàn bộ. Nhiệt độ: 1210C; Áp suất 1.05 bar (15 psig); Thời gian tiết kiệm: ≤ 15 phút. Thiết kế phù hợp với nhiều loại đầu tip. Dải thể tích từ 100 μl đến 1000 μl	Chiếc	7	
260	Pipet thẳng thể tích 10ml	50c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt Dung tích 10 ml, có vạch chia rõ nét	Chiếc	5	
261	Pipet thẳng thể tích 1ml	50c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt Dung tích 1 ml, có vạch chia rõ nét	Chiếc	5	
262	Pipet thẳng thể tích 25ml	50c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt Dung tích 25 ml, có vạch chia rõ nét	Chiếc	5	
263	Pipet thẳng thể tích 5ml	50c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt Dung tích 5 ml, có vạch chia rõ nét	Chiếc	5	
264	Pipet thủy bầu nhỏ cho chai công tơ hút 100ml	10c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, có núm cao su	cái	50	

265	Pipet thủy bầu nhỏ cho chai công tơ hút 60ml	10c/hộp	Chất liệu: thủy tinh, có núm cao su	cái	50
266	Plate Count Agar (PCA agar)	500g/ Hộp	giá trị pH 7,0 (22 g/l, H ₂ O, 30 °C) (sau khi hấp khử trùng) mật độ lớn 560 kg/m ³ độ hòa tan 22,5 g/l Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	1
267	Potanh đếm bạch cầu	10c/hộp	Chất liệu thủy tinh, vạch chia màu xanh. Pipette pha loãng bạch cầu, tỷ lệ pha loãng 1:10	Chiếc	40
268	Potanh đếm hồng cầu	10c/hộp	Chất liệu thủy tinh, vạch chia màu xanh. Pipette pha loãng hồng cầu, tỷ lệ pha loãng 1:100	Chiếc	40
269	Presept	100v/ 1 hộp	Thành phần: Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) 50% (kl/kl) Đóng gói: Mỗi hộp chứa 100 viên, mỗi viên 5g chứa 2,5g hoạt chất	Hộp	13
270	Protein	1x250 ml Reagent A 1x5 ml Standard	A. Thuốc thử, chứa: Đồng (II) acetat 6 mmol/L, kali iod 12 mmol/L, natri hydroxid 1,15 mol/L, chất tẩy rửa S. Chất hiệu chuẩn protein, chứa: Albumin bò. Nồng độ ghi trên nhãn Bảo quản: 2-8 °C	Hộp	3
271	PT	10x4ml	Hóa chất đông khô, kết hợp với yếu tố mô ở người và phospholipids tổng hợp (thromboplastin), ion Canxi, phức hợp heparin trung hòa, dung dịch đệm, chất bảo quản (Albumin huyết thanh bò) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 10x4ml	Hộp	20
272	Phễu thủy tinh	10c/hộp	Chất liệu thủy tinh, trong suốt. Đường kính miệng phễu 8cm, đường kính thân ống phễu 0.7-1 cm	Cái	20
273	Phễu thủy tinh	10c/hộp	Chất liệu thủy tinh, trong suốt. Đường kính miệng phễu 4-5cm	Cái	20
274	Phim xquang răng CEA	150 tờ/hộp	Kích thước phim 3cm x 4cm Quy cách: Hộp 150 tấm	Hộp	2
275	Quả bóp		Quả bóp cao su 1 van. Chất liệu cao su. Màu sắc: đỏ	Chiếc	5
276	Que chỉ inox	Dài 1,2m	Chất liệu: Inox Màu sắc: Nhiều màu	Cái	5

277	Que layzer	100c/hộp	Bề mặt nhẵn bóng. Dùng một lần. Được làm từ gỗ chất lượng cao. Khử trùng bằng khí ethylene oxide. Quy cách: Hộp 100 cái, thùng 50 hộp	Hộp	1	
278	Que tăm bông tiết trùng	100 chiếc/ 1 túi	Chiều liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 150mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiết trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.	Túi	25	
279	Que thử nước tiểu 10 thông số	hộp 100 test	Que thử nước tiểu 10 thông số Mission 10U: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU) Loại mẫu phẩm: Nước tiểu Thời gian que ủ màu: 1 phút Điều kiện làm việc: +2-30°C, ≤75% RH Điều kiện bảo quản: +2~30°C	Hộp	1	
280	Que thử thai nhanh	1 cái /hộp	Dùng cụ thử thai nhanh, phát hiện HCG với độ nhạy và độ chính xác rất cao	Test	150	
281	Raccord nối ống NKQ và dây thử		Không xoay chiều – Không có giãn – Có công hút dịch Sâu máy thử dùng 1 lần, được tiết trùng bằng khí EO, có thể co dần.	Chiếc	5	
282	Red Methyl	25g/ Hộp	Khối lượng phân tử 269,31 g/mol Độ nóng chảy 179 - 182°C mật độ lớn 300 - 500 kg/m3 Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Hộp	2	

283	Red Phenol	25g/ Hộp	Công thức hóa học (C ₆ H ₄ OH) ₂ C ₇ H ₄ SO ₃ Khối lượng phân tử 354,38 g/mol Độ nóng chảy >300°C mật độ lớn 200 - 300 kg/m ³ độ hòa tan 0,77 g/l Bảo quản ở +5°C đến +30°C.	Hộp	2	
284	Rổ inox sâu 30cm Ø 50 cm		Chất liệu inox. Kích thước: fi 50cm, sâu 30 cm	chiếc	5	
285	Sabouroud agar	500g/ Hộp	giá trị pH 5.6 (65 g/l, H ₂ O, 25 °C) (sau khi hấp khử trùng) mật độ lớn 680 kg/m ³ độ hòa tan 65 g/l Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	1	
286	Salmonella- Shigella agar	500g/hộp	Dạng bột. Màu sắc nâu đến đỏ Giá trị pH (25°C): 6.8-7.2 Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	1	
287	Simmons citrate agar	500g/hộp	Dạng bột. Màu sắc xanh lá Giá trị pH (25°C): 6.6-7.0 Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	1	
288	Skim milk	500g/hộp	Dạng bột. Màu sắc: màu kem giá trị pH 6 - 8 (20 g/l, H ₂ O, 20 °C) mật độ lớn 500 kg/m ³ độ hòa tan 700 g/l Bảo quản ở +15°C đến +25°C.	Hộp	1	
289	Sonde dạ dày cỡ 16	10c/hộp	Ống thông và đầu nối được làm từ nhựa PVC y tế. Đầu ống nối được thiết kế thích hợp, giúp kết nối chắc chắn và nhanh chóng. Ống dây mềm, dẻo giúp thuận tiện khi thao tác. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EOG.	Chiếc	50	
290	Sonde foley 2 nhánh cỡ 14	10c/hộp	Được làm từ 100% cao su thiên nhiên. Ống được thiết kế thon, mịn cho việc thải nước tiểu dễ dàng. Van nhựa cứng để kiểm soát tốt. Kích thước: 1110-14: 14cm, 2 nhánh	Chiếc	50	
291	Sonde foley 3 nhánh cỡ 14	10c/hộp	Được làm từ 100% cao su thiên nhiên. Ống được thiết kế thon, mịn cho việc thải nước tiểu dễ dàng. Van nhựa cứng để kiểm soát tốt. Kích thước: 14cm, 3 nhánh	Chiếc	50	

292	Sonde hút dịch cỡ 12	10c/hộp	Được thiết kế để loại bỏ các chất nhớt được tiết ra từ miệng, khí quản và dịch phế quản. Với kiểu van T điều khiển chân không. Đầu hút gồm có mắt , hờ 1 bên giúp cho việc thoát nước hiệu quả Chiều dài: 50 cm Kích thước: 12 Đóng gói: 100 sợi / thùng	Chiếc	10	
293	Sonde hút dịch cỡ 14	10c/hộp	Được thiết kế để loại bỏ các chất nhớt được tiết ra từ miệng, khí quản và dịch phế quản. Với kiểu van T điều khiển chân không. Đầu hút gồm có mắt , hờ 1 bên giúp cho việc thoát nước hiệu quả Chiều dài: 50 cm Kích thước: 14 Đóng gói: 100 sợi / thùng	Chiếc	20	
294	Sonde hút dịch cỡ 16	10c/hộp	Được thiết kế để loại bỏ các chất nhớt được tiết ra từ miệng, khí quản và dịch phế quản. Với kiểu van T điều khiển chân không. Đầu hút gồm có mắt , hờ 1 bên giúp cho việc thoát nước hiệu quả Chiều dài: 50 cm Kích thước: 16 Đóng gói: 100 sợi / thùng	Chiếc	20	
295	Sonde Nelaton	10c/hộp	Được làm từ 100% cao su thiên nhiên. Đầu thon mịn của ống thông tạo điều kiện dễ dàng đưa vào niệu đạo. Hai lỗ lớn ở đầu ống được đặt chính xác giúp thoát nước hiệu quả. Size: 6 Fr - 18 Fr	Cái	30	
296	Sudan I	25g/lọ	Dạng rắn màu nâu hoặc cam đến đỏ Khối lượng mol: 248.285 g/mol Điểm nóng chảy: 131.0°C đến 133.0°C Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo Quy cách đóng gói: 25g	Gam	25	

297	Sudan II	25g/lọ	Dạng rắn màu đỏ đến nâu cam Phổ hồng ngoại phù hợp. UV Lambda tối đa: ở khoảng 420 và 493 nm (trong metanol)	Gam	25	
298	Sudan IV	25g/lọ	Dạng rắn màu sắc đỏ thẫm đến tím Phổ hồng ngoại phù hợp. UV Lambda tối đa: ở khoảng 514 và 518 nm (trong metanol)	Gam	25	
299	SXT	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8 ^o Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
300	Test nhanh ASO Latex	hộp 100 test	Phát hiện kháng thể liên cầu khuẩn tán huyết nhóm A. Bảo quản 2-8 độ C	Hộp	6	
301	Test nhanh HBsAg	hộp 50 test	Kit thử nhanh chẩn đoán HBsAg. Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt siêu vi B (HBsAg) trong mẫu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người	Test	100	
302	Test nhanh HIV 1/2	hộp 100 test	Phát hiện kháng thể HIV 1/2 trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương ở người. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.75%. Bảo quản: 2-30 độ C	Hộp	1	
303	Test nhanh viêm gan B	hộp 30 test	Test thử HBsAg là một thử nghiệm sắc ký miễn dịch invitro được thiết kế để định tính xác định sự có mặt của HBsAg trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người Đặc tính sản phẩm: - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100%	Hộp	2	
304	Test nhanh viêm gan C	hộp 30 test	Xét nghiệm HCV là thử nghiệm miễn dịch sắc ký phát hiện định tính kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người, Nguyên liệu bất giữ: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp: protein lõi, NS3, NS4, NS5 (thế hệ 3). Độ chính xác cao: + Độ nhạy: 100% + Độ đặc hiệu ≥99,4% Mẫu: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.	Hộp	2	

305	Test thử Morphine Heroin	hộp 25 test	Test nhanh Morphine hay Heroin là một bộ kit xét nghiệm miễn dịch sắc ký cho chẩn đoán nhanh và định tính phát hiện nồng độ cao chất gây nghiện Morphine trong nước tiểu để xác định người bệnh đang sử dụng một số loại thuốc kích thích có chứa chất Morphine, Heroin, Opiate. Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu $\geq 97.0\%$	Hộp	4	
306	Test ủ kỵ khí	hộp 50 test	Kị khí: Vùng phản ứng khử màu dần từ xanh lam sang trắng trong thời gian 6-9 giờ; aerobic: Đổi màu ngược từ trắng sang xanh trong vòng 20 phút. Hộp 50 test. Bảo quản: $+15^{\circ}\text{C}$ to $+25^{\circ}\text{C}$.	Hộp	5	
307	Toluen	500ml/chai	Công thức hóa học $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_3$ Khối lượng phân tử 92,14 g/mol Điểm sôi $110,6^{\circ}\text{C}$ (1013 hPa) Tỉ trọng 0,87 g/cm ³ (20°C) độ hòa tan 0,52 g/l Bảo quản ở $+2^{\circ}\text{C}$ đến $+30^{\circ}\text{C}$.	Lít	100	
308	TT	10x1ml	Thành phần: chứa thrombin có nguồn gốc từ bò khoảng 100 IU/ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 10x1ml	Hộp	20	
309	Túi dập mẫu BagLight	500 túi/ Hộp	500 túi/ Hộp	Hộp	5	
310	Thạch cao vàng (1 kg/gói)	túi 1kg	Đã tiệt trùng, 400ml/túi túi có in chữ Interscience trên mặt túi Thạch cao vàng. Dùng để để răng dùng trong nha khoa	Gói	6	
311	Thuốc thử Brom	hộp 100 test	Thuốc thử dựa theo phương pháp DPD. Thuốc thử khi thêm vào mẫu có chứa brom sẽ đổi thành màu hồng; nồng độ càng cao, màu càng đậm. Cường độ màu được xác định bởi một quang kế tương thích và nồng độ sẽ được hiển thị theo mg/L (ppm) brom. Thuốc thử này dùng cho mẫu đo chứa brom từ 0.00 đến 10.00 mg/L.	Bộ	1	Chạy máy xét nghiệm nước quang phổ để bàn Hanna
312	Thuốc thử Canxi	hộp 50 test	Thuốc thử dựa theo phương pháp oxalate. Phản ứng giữa thuốc thử với canxi làm mẫu đổi thành màu đỏ. Kết quả sẽ được hiển thị theo mg/L (ppm). Thuốc thử này dùng cho mẫu đo có nồng độ canxi từ 0 đến 400 mg/L. Thang đo: 0 đến 400 mg/L Ca^{2+} Bước sóng : 466 nm	Bộ	1	Chạy máy xét nghiệm nước quang phổ để bàn Hanna

313	Thuốc thử Clo tổng	hộp 100 test	Thuốc thử để xác định clo tổng trong nước sạch và nước ngọt Thang đo từ 0 đến 5 mg/L Cl₂. Bước sóng: 525nm Phương pháp đo: DPD	Bộ	1	Chạy máy xét nghiệm nước quang phổ để bàn Hanna
314	Thuốc thử Kẽm	hộp 100 test	Thang đo: 0 đến 2 mg/L Zn Bước sóng: 575 nm Phương pháp đo Zincon. Phản ứng giữa kẽm và thuốc thử tạo màu xanh trong mẫu.	Bộ	1	Chạy máy xét nghiệm nước quang phổ để bàn Hanna
315	Thuốc thử Sắt (HR)	hộp 100 test	Thuốc thử này dùng cho mẫu đo có sắt từ 0.00 đến 5.00 mg/L. Đóng gói: dạng bột Số lượng: 100 gói	Bộ	1	Chạy máy xét nghiệm nước quang phổ để bàn Hanna
316	Trimethoprim/sulfamethoxazol	5x 50 khoan	Khoanh giấy tẩm kháng sinh. Kiểm tra độ nhạy của vi sinh vật với kháng sinh. Đóng gói: 5x 50 khoan Bảo quản: 2-8° Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1	
317	Tryptophan	100g/ Hộp	Khối lượng phân tử 204,23 g/mol Độ nóng chảy 290 °C (phân hủy) giá trị pH 5,5 - 7 (1 g/l, H₂O, 25 °C) độ hòa tan 10g/l Bảo quản ở +5°C đến +30°C.	Hộp	1	
318	Ure	2x48 ml Reagent A1 2x2 ml Reagent A2 2x50 ml Reagent B 1x5 ml Standard	A1. Thuốc thử: natri salicylat 62 mmol/L, natri nitroprussid 3,4 mmol/L, đệm phosphat 20 mmol/L, pH 6,9. A2. Thuốc thử: Urease > 500 U/mL. B. Thuốc thử: natri hypoclorid 7 mmol/L, natri hydroxid 150 mmol/L S. Chất hiệu chuẩn Glucose/Ure/Creatinin Standard: Glucose 100 mg/dL, ure 50 mg/dL (8,3 mmol/L, BUN 23,3 mg/dL), creatinin 2 mg/dL. Chất hiệu chuẩn gốc dạng dung dịch nước Bảo quản: 2-8 °C	Hộp	2	

319	Urea Indole Medium	500g/Hộp	Phân biệt các vi sinh vật đặc biệt là Enterobacteriaceae Thành phần: L- Tryptophan: 3.000 Gms / Litre Sodium chloride: 5.000 Gms / Litre Potassium phosphate, monobasic: 1.000 Gms / Litre Potassium phosphate, dibasic: 1.000 Gms / Litre Urea: 20.000 Gms / Litre Phenol red: 0.012 Gms / Litre Final pH (at 25°C) 6.8±0.2	Hộp	1	
320	Xanh methylol	100g/lọ	Khối lượng phân tử 319,86 g/mol (khan) Độ nóng chảy 180 °C (phân hủy) giá trị pH 3 (10 g/l, H ₂ O, 20 °C) độ hòa tan 50 g/l Bảo quản ở +2°C đến +30°C.	Lọ	1	
321	Xe tiêm 3 tầng Inox 304		Chất liệu: inox 304 Ngang: 50cm Dài : 70cm Cao : 120cm Khoảng cách tầng: 40cm	Cái	7	
322	ZnO	110g/lọ	Thành phần: Oxide kẽm nguyên chất dùng trong nha khoa Công thức: C10H8O	Hộp	2	
323	α – naphthol	25g/lọ	Khối lượng phân tử: 144,17 g/mol Mật độ: 1,1 g/cm ³ Công thức phân tử: C10H8O Khối lượng mol: 144,17 g/mol	Lọ	2	